Model No.LS1040 MITER SAW 255MM

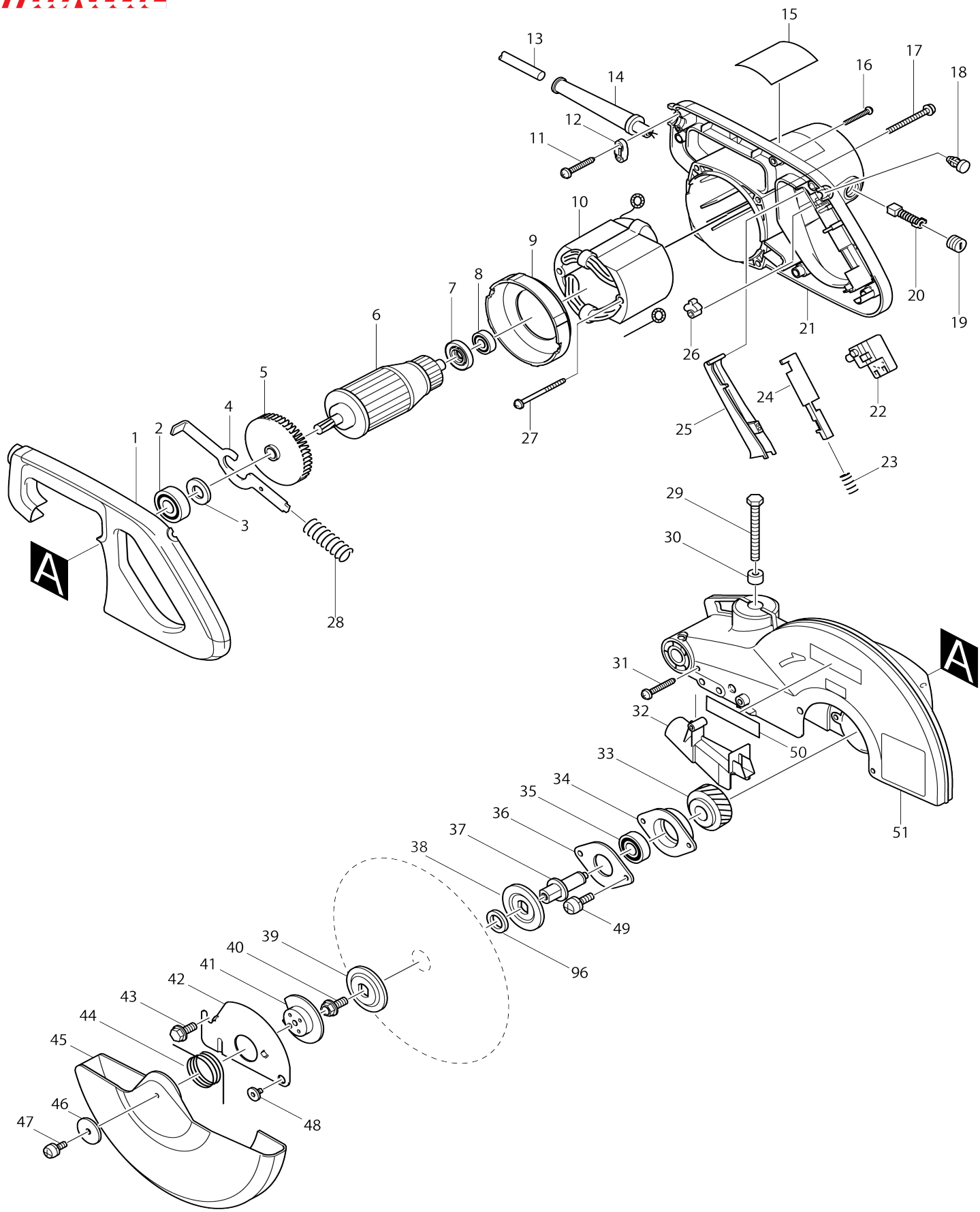

Model No.LS1040 MITER SAW 255MM

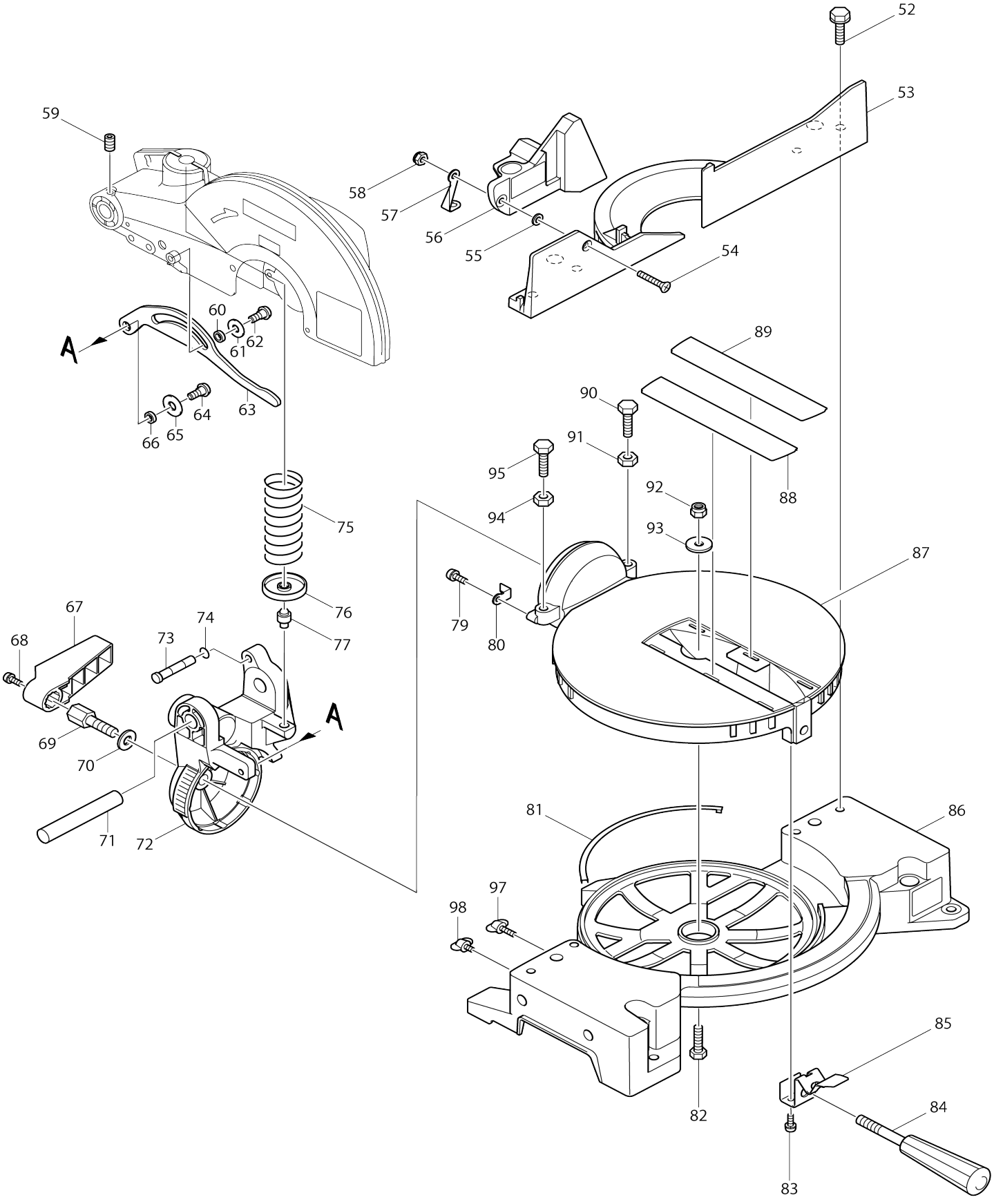

Model No.LS1040 MITER SAW 255MM

Bản vẽ	Mã Phụ tùng tùng	Mô tả	Tương ứng với	Số lượng	Cũ/ Mới	Ghi chú 1	Ghi chú 2
001	416004-6	Nắp tay cầm		1	*		
001-1	458787-2	Nắp tay cầm	<	1			
002	211206-7	Bạc đạn 6202LLB		1			
003	253853-8	Long đền đệm phẳng 15		1	*		
003-1	267280-3	Long đền đệm phẳng 15	<	1			
004	343641-2	Khóa trục		1			
005	241909-9	Cánh quạt 80		1			
006A_	516718-8	Cụm lõi ứng điện 220V		1	*		
006A_		INC. 2,3,5,7,8			*		
006A1	516718-8	Cụm lõi ứng điện 220V	O	1			
006A1		INC. 2,3,5,7,8					
007	681640-9	Vòng đệm cách nhiệt		1	*		
007-1	681640-9	Vòng đệm cách nhiệt	O	1			
008	211061-7	Bạc đạn 6000LLB		1	*		
008-1	211097-6	Bạc đạn 6000LLB	O	1			
009A_	416442-2	Tấm chắn gió		1			
010B_	526068-3	Cụm stato 220-240V		1			
C10	654020-2	Lò xo bung than 36L		1			
C20	654502-4	Mối nối không- cách nhiệt		1			
011	265995-6	Vít tự cắt ren đầu siết 4X18		2			
012A_	687053-2	Kẹp dây		1	*		
012A1	687140-7	Kẹp dây	O	1			
013I_	691216-4	Dây nguồn 1.25-2-2.5		1			
014	682505-8	Chắn bảo vệ dây 10		1			
015A2	851559-8	Bảng tên LS1040		1	*		
015A3	855H16-6	Bảng tên LS1040	<	1			
016	265995-6	Vít tự cắt ren đầu siết 4X18		5			
017	911383-2	Vít dầu dù M6X60 WR		4			
018	411478-6	Nút công tắc		1	*		
018-1	417113-4	Nút công tắc	O	1			
019	643650-4	Nắp giá đỡ 6.5-13.5		2	*		
019-1	643650-4	Nắp giá đỡ 6.5-13.5	O	2			
020A_	181044-0	Than 153		1	*		
020A1	B-80329	CARBON BRUSH SET CB-153A	<	1			
021B_	150784-1	Vỏ ngoài động cơ hoàn chỉnh		1	*		
C10	817880-5	Nhãn lưu ý		1	*		
C20	643660-1	Ổ chổi than 6.5-13.5		2	*		
021B1	153792-1	Vỏ ngoài động cơ hoàn chỉnh	<	1			
C10	817880-5	Nhãn lưu ý		1			
C20	643660-1	Ổ chổi than 6.5-13.5		2	*		
C21	643653-8	Ổ chổi than 6.5X13.5	O	2	*		
C22	643536-2	Ổ chổi than 6.5X13.5	O	2			
022	651923-1	Công tắc TG70B		1			
023	231457-6	Lò xo nến 3		1			
024	416000-4	Khóa cần gạt		1			
025	415999-0	Thanh gạt công tắc		1	*		
025-1	459017-4	Thanh gạt công tắc	<	1			
026	414546-4	Nhông cam		1			

027	266029-8	Vít tự cắt ren đầu siết 5X65		2			
028	231297-2	Lò xo nến 9		1			
029	251667-9	Bu-lông đầu lục giác M8X75		1			
030	262511-5	Ống đệm cao su 6		1			
031	265995-6	Vít tự cắt ren đầu siết 4X18		1			
032	416007-0	Ổ nhựa che lưỡi		1	*		
032-1	453695-2	Ổ nhựa che lưỡi	<	1			
033	226465-0	Nhông xoắn 42		1			
034	316821-3	Hộp ổ đệm		1			
035	211256-2	Bạc đạn 6203LLB		1			
036	285685-5	Chốt giữ ổ đệm 64		1			
037	322865-3	Trục nhông chuyền		1			
038	224333-1	Vành 53		1			
039	224333-1	Vành 53		1			
040	265355-2	Bu-lông đầu lục giác vành M8X20		1			
041	343639-9	Tấm canh giữa		1			
042	344380-7	Thanh nẹp lưỡi		1			
043	265324-3	Bu-lông đầu lục giác vành M8X12		1			
044	231593-8	Lò xo xoắn 36		1			
045	416003-8	Bảo vệ lưỡi cưa		1			
046	267136-0	Long đền đệm phẳng 5		1			
047	911213-7	Vít dầu dù M5X12 WR		1	*		
047-1	922211-6	Bu-lông đầu lỗ lục giác M5X12 W	<	1			
048	265985-9	Bu lông đầu vai lỗ lục giác M6X9		1			
049	911223-4	Vít dầu dù M5X16 WR		2			
050	819064-1	Nhãn logo makita		1	*		
051	151451-1	Khung nhôm bọc lưỡi		1	*		
C10	817667-5	Nhãn lưu ý		1	*		
C20	817829-5	Nhãn lưu ý		1	*		
C30	263005-3	Chốt cao su 6		1	*		
051-1	151451-1	Khung nhôm bọc lưỡi	O	1	*		
C10	817667-5	Nhãn lưu ý		1	*		
C20	817829-5	Nhãn lưu ý		1	*		
C30	263005-3	Chốt cao su 6		1	*		
051-2	188324-5	Bộ vỏ lưỡi	O	1	*		
C10	817667-5	Nhãn lưu ý		1	*		
C20	817829-5	Nhãn lưu ý		1	*		
C30	263005-3	Chốt cao su 6		1	*		
C40	819214-8	Nhãn logo makita		1	*		
051-3	188324-5	Bộ vỏ lưỡi	O	1	*		
C10	816847-0	Nhãn hoạt động	<	1	*		
C20	817829-5	Nhãn lưu ý		1	*		
C30	263005-3	Chốt cao su 6		1	*		
C40	819214-8	Nhãn logo makita		1	*		
051-4	140648-7	Khung nhôm bọc lưỡi	O	1			
C10	816847-0	Nhãn hoạt động		1			
C20	891309-9	Nhãn lưu ý		1			
C30	263005-3	Chốt cao su 6		1			
052	921451-3	Bu-lông đầu lục giác M8X30 W		4	*		
052-1	265488-3	Bu-lông đầu lục giác M8X30 WR	O	4			

053	316826-3	Tấm thanh cữ		1	*		
053-1	316826-3	Tấm thanh cữ	O	1	*		
053-2	318847-1	Tấm thanh cữ	<	1			
054	912342-9	Vít đầu chìm M6X25		1			
055	253715-0	Long đền đệm phẳng 6		1			
056	150662-5	Thanh cữ phụ hoàn chỉnh		1	*		
C10	810857-9	Nhãn lưu ý		1	*		
056-1	150662-5	Thanh cữ phụ hoàn chỉnh	O	1			
C10	810857-9	Nhãn lưu ý		1			
057	344476-4	Miếng đệm lổ		1			
058	252014-7	Đai ốc khóa lục giác M6-10		1			
059	251961-9	Vít không đầu lỗ lục giác (vít đuôi bằng) M6X10		1			
060	257162-7	Vòng canh 7		1			
061	253823-7	Long đền đệm phẳng 7		1			
062	265984-1	Bu-lông đầu tròn lỗ lục giác M6X 14		1			
063	344377-6	Cần hãm		1			
064	265984-1	Bu-lông đầu tròn lỗ lục giác M6X 14		1			
065	253823-7	Long đền đệm phẳng 7		1			
066	257162-7	Vòng canh 7		1			
067	416006-2	Đòn bẩy 100		1			
068	911113-1	Vít dầu dù M4X10 WR		1			
069	265437-0	Bu-lông đầu lục giác M10		1			
070	253024-7	Long đền đệm phẳng 10		1			
071	256836-7	Thanh chốt 16		1			
072	150664-1	Trọn bộ bệ đỡ ty		1	*		
C10	816310-3	Nhãn tỷ lệ		1	*		
072-1	150664-1	Trọn bộ bệ đỡ ty	O	1	*		
C10	816310-3	Nhãn tỷ lệ		1	*		
072-2	154463-3	Trọn bộ bệ đỡ ty	O	1			
C10	816310-3	Nhãn tỷ lệ		1			
073	322317-4	Chốt vai		1			
074	213021-5	Vòng đệm-o 5		1			
075	233152-4	Lò xo nến 28		1			
076	343638-1	Giá đỡ lò xo		1	*		
076-1	344464-1	Giá đỡ lò xo	S	1			
077A_	256260-4	Ghim 8		1	*		
077A1	256280-8	Ghim 8	S	1			
079	911113-1	Vít dầu dù M4X10 WR		1			
080	344385-7	Đệm		1			
081	343799-7	Miếng đệm trượt		3			
082	921452-1	Bu-lông đầu lục giác M8X30		1			
083	911213-7	Vít dầu dù M5X12 WR		2			
084	273495-2	Tay nắm 32		1			
085	344381-5	Cần khóa mở		1			
086	150585-7	Bộ bàn nhôm		1	*		
C10	816311-1	Tấm dán chia độ góc		1	*		
C20	817837-6	Nhãn lưu ý		1	*		
C30	817283-3	Nhãn lưu ý		2	*		
086-1	150585-7	Bộ bàn nhôm	O	1			

C10	816311-1	Tấm dán chia độ góc		1			
C20	817837-6	Nhãn lưu ý		1			
C30	817283-3	Nhãn lưu ý		2			
087	316824-7	Bàn đế		1	*		
087-1	316824-7	Bàn đế	O	1			
088	416001-2	Tấm ván chạm		1			
089	416001-2	Tấm ván chạm		1			
090	921452-1	Bu-lông đầu lục giác M8X30		1			
091	931402-8	Đai ốc lục giác M8		1			
092	252105-4	Đai ốc khóa lục giác M8-13		1			
093-1	253762-1	Long đền đệm phẳng 8		1			
094	931402-8	Đai ốc lục giác M8		1			
095	921452-1	Bu-lông đầu lục giác M8X30		1			
096	257060-5	Vòng canh 15.88		1			
097	251887-5	Ốc vít có tai vặn M6X10		1			
098	265708-5	Ốc vít có tai vặn M6X20		2			
A01	411478-6	Nút công tắc		2	*		
A02	762001-3	Thước tam giác		1			
A03	782212-4	Lục giác trên 13		1			
A04	122523-9	Cụm túi chứa bụi		1	*		
C10	410602-8	Chốt giữ		1	*		
A04-1	122852-0	Cụm túi chứa bụi	O	1			
C10	410602-8	Chốt giữ		1			
A05	122531-0	Bộ chân đỡ phụ		1	*		
C10	252148-6	Đai ốc vuông M8		1	*		
C20	921431-9	Bu-lông đầu lục giác M8X20 W		1	*		
A05-1	193471-9	Bộ tấm đỡ	O	1			
C10	252148-6	Đai ốc vuông M8		1			
C20	921431-9	Bu-lông đầu lục giác M8X20 W		1			
A06	122536-0	Cụm ê-tô		1			
C10	251370-2	Vít đầu dù vai gờ M5X15.5		1			
C20	251887-5	Ốc vít có tai vặn M6X10		1			
C30	253804-1	Long đền đệm phẳng 6		1			
C40	271286-5	Nút vặn 40		1			
C50	316938-2	Tay đòn để kẹp		1			
C60	322313-2	Thanh trục kẹp		1			
C70	343651-9	Miếng thép để kẹp vật liệu		1			
A07	257022-3	Vòng canh 16		1			
A08	322312-4	Giá đỡ		2			
B01	192621-3	Bộ giá đỡ		1			
B01		INC. 098,A08					
E05	651941-9	Công tắc V-15-2A5		1			
F01	192622-1	Bộ chốt chặn đứng		0			
F21-1	198688-9	Bộ chân máy	<	1			
F55-3	198687-1	Bộ chân máy	<	1			